

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ú**, sinh ngày 10/11/1973;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Malaysia.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3. Người được chị Ú ủy quyền về việc giao nhận các văn bản của Tòa án: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ: Số C N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Chị Ú và anh T vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ú trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 1992. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không cùng định hướng

cuộc sống và tương lai. Tháng 12 năm 2006 chị làm thủ tục đi lao động tại Malaysia, do vợ chồng có mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần liên hệ anh chị lại to tiếng, cãi nhau. Thời gian lâu dần anh chị không còn quan tâm, chia sẻ, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Ngô Thị Hương L, sinh ngày 18/10/1993 và Ngô Thành L1, sinh ngày 06/10/1997, hiện các con chung đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Ngô Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Ú đã trình bày. Nay chị Ú có đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng anh có hai chung như chị Ú trình bày, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú thể hiện: Hiện nay sổ đăng ký kết hôn năm 1992 UBND xã T không còn lưu giữ nên không thể hiện thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Ú và anh T. Tuy nhiên, thực tế anh chị có tồn tại quan hệ hôn nhân và có 02 con chung là cháu Ngô Thị Hương L và Ngô Thành L1. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, chị Ú đã đi nước ngoài nhiều năm không về nước, anh chị không còn quan tâm chia sẻ khiến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Chị Ú có đơn xin ly hôn, anh T đã có quan điểm nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án.

Tại biên bản xác minh của Phòng tư pháp huyện Bình Giang thể hiện: Qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn của UBND xã T năm 1992 hiện được lưu trữ tại Phòng Tư pháp huyện Bình Giang tại thứ tự số 31, ngày, tháng, năm đăng ký: 27/11/1992 thể hiện thông tin đăng ký kết hôn giữa: Chồng là Ngô Văn T, sinh tháng 5 năm 1971 và vợ là Nguyễn Thị Ú, sinh tháng 10 năm 1973. Nơi thường trú: H, xã T.

Tại phiên tòa: Chị Ú và anh T đều vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ú ly hôn anh Ngô Văn T; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ú phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ú có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Malaysia. Bị đơn anh Ngô Văn T hiện đang cư trú tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ú hiện đang sinh sống và làm việc tại Malaysia, trong thời gian về Việt Nam, chị Ú có làm đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có chứng thực chữ ký của UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nên các tài liệu này là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị Ú, anh T vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ú và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 27/11/1992 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Bản thân anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhiều năm và nhất trí ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ú và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ú ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Các con của chị Ú và anh T đã trưởng thành, anh chị không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ú và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ú là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ú ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001753 ngày 02/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu